TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **104**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 11 - 2019
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý

2. Ông Phạm Văn Lâm

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Trương Thị Kiều Diễm - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa***: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Thanh Ph, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 38/26, Tổ 26, Khu phố 3, phường A, thành phố M, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Dương Thị Kim Ng, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 38/26, Tổ 26, Khu phố 3, phường A, thành phố M, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 03/6/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Thanh Ph trình bày:

Ông Ph và bà Ng là vợ chồng, chung sống với nhau năm 2008, đăng ký kết hôn ngày 14/4/2008 tại UBND xã (nay phường) A, thị xã (nay là thành phố) M, tỉnh Bình Dương.

Thời gian đầu sau khi kết hôn, ông Ph, bà Ng chung sống hạnh phúc và sinh được 02 người con là Trần Thị Thùy Tr, sinh ngày 11/5/2009 và Trần Anh K, sinh ngày 11/10/2011. Tuy nhiên, cuối năm 2018, ông Ph muốn kiếm thêm thu nhập lo cho gia đình nên thuê một địa điểm để buôn bán cà phê nhưng bà Ng không đồng ý bán, dẫn đến vợ chồng cãi vã, mâu thuẫn, sau đó bà Ng bỏ nhà đi nơi khác sinh sống cho đến nay. Hiện nay, ông Ph nhận thấy không còn tình cảm

với bà Ng, đời sống chung không thể kéo dài, không thể hàn gắn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Sau khi ly hôn, ông Ph yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu bà Ng cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Dương Thị Kim Ng không đến Tòa án để làm việc; không nộp văn bản nêu ý kiến và cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa,

- Ông Ph giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án.

- Bà Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không đến tham gia phiên tòa. Do đó, căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt bà Ng.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy hôn nhân của ông Ph, bà Ng mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện về ly hôn, con chung của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

+ Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến trình bày của nguyên đơn và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Do bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn liên quan đến quyền nhân thân nên thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện (quy định tại Điều 39, khoản 1 Điều 155 của Bộ luật Dân sự).

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

Về hôn nhân: Ông Ph, bà Ng chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận. Ông Ph nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bà Ng không quan tâm, không có trách nhiệm với chồng con. Bà Ng không đến Tòa án trình bày ý kiến, phản bác ý kiến của ông Ph. Do đó, ý kiến của ông Ph thuộc trường hợp những tình tiết không cần phải chứng minh quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên, qua lời trình bày của ông Ph và thu thập chứng cứ, thấy rằng: Mâu thuẫn tình cảm giữa ông Ph, bà Ng là có thật, cả hai đã sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nền tảng một gia đình hạnh phúc không có. Tòa án thông báo cho bà Ng đến Tòa hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng bà Ng không đến. Chứng tỏ bà Ng cũng không còn tình cảm với ông Ph, không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông Ph, bà Ng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Ph.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông Ph, bà Ng có 02 con chung là Trần Thị Thùy Tr, sinh ngày 11/5/2009 và Trần Anh K, sinh ngày 11/10/2011. Sau khi ly hôn, ông Ph yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Xét thấy, con chung hiện nay đang sống cùng ông Ph và có nguyện vọng sống với ông Ph nếu ông Ph, bà Ng ly hôn. Do đó, Tòa chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của ông Ph, giao 02 con chung cho ông Ph trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con do ông Ph không yêu cầu nên Tòa không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Ph, bà Ng không yêu cầu Tòa giải quyết.

[3] Về án phí: Ông Ph phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147, các điều 266, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 39, khoản 1 Điều 155 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thanh Ph đối với bị đơn bà Dương Thị Kim Ng về việc

tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

- Về hôn nhân: Ông Ph được ly hôn bà Ng.

- Về con chung: Ông Ph được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Trần Thị Thùy Tr, sinh ngày 11/5/2009 và Trần Anh K, sinh ngày 11/10/2011.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Ph không yêu cầu nên bà Ng không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà Ng. Bà Ng không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của ông Ph. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Ph, bà Ng không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình: Ông Ph nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0034166, ngày 27/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Ông Ph có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Ng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Đương sự;
- UBND nơi đương sự đăng ký kết hôn;
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Bình